| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHN DN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 78/2021/QĐST-DS | *Trà Ôn, ngày 29 tháng 3 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 236/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019;

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa T của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1953

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

*Bị đơn*: Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1953

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Đặng Văn A, sinh năm 1957

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2/ Ông Đặng Văn T, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã A, thị xã Q, tỉnh Vĩnh Long

3/ Bà Đặng Thị U, sinh năm 1967

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, huyện J, tỉnh Vĩnh Long

4/ Chị Đặng Ngọc D, sinh năm 1978

5/ Ah Đặng Công I, sinh năm 1982

6/ Ông Đặng Hửu K, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T (ấp R cũ), xã T, huyện Ư, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của quyền K, nghĩa vụ liên quan chị D, anh I, anh K: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: ấp T (ấp K cũ), xã T, huyện R, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019).

7/ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957

8/ Ah Phạm Hoài N, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã T, huyện A, tỉnh Vĩnh Long

9/ Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

10/ Chị Phạm Thị Huyền R, sinh năm 1990

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long

11/ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1967

Địa chỉ cư trú: thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

12/ Bà Phạm Thị C

Địa chỉ cư trú: ấp A , xã A, huyện K, tỉnh Trà Vinh

3/ Bà Phạm Thị G, sinh năm 1972

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

**2.** Sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Giao bà Đặng Thị H được hưởng thừa kế phần đất thửa 19-3, diện tích 826,6m$^2$, tờ bản đồ số 20; thửa 182-2 diện tích 1.776,9m$^2$, tờ bản đồ số 21, cùng tọa lạc tại ấp O, xã T, huyện E, tỉnh Vĩnh Long và được hưởng toàn bộ cây trồng gắn liền trên phần đất thửa 19-3 và thửa 182-2.

Bà Đặng Thị H có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị chênh lệch cho ông Huỳnh Thanh L số tiền 21.540.000đ (hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

**2.2.** Giao ông Huỳnh Thanh L được hưởng thừa kế phần đất thửa 19-2 diện tích 1.010,2m$^2$ , tờ bản đồ số 20 gắn liền căn nhà cấp 4; thửa 174-1 diện tích 1.705,8m$^2$, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long và được hưởng toàn bộ cây trồng gắn liền trên phần đất thửa 19-2 và thửa 174-1.

**2.3.** Giao ông Đặng Văn T được hưởng thừa kế phần đất thửa 19-1, diện tích 1.368,5m$^2$, tờ bản đồ số 20; thửa 182-1 diện tích 1.767,5m$^2$, tờ bản đồ số 21, cùng tọa lạc tại ấp J, xã T, huyện H tỉnh Vĩnh Long và được hưởng toàn bộ cây trồng gắn liền trên phần đất thửa 19-1 và thửa 182-1.

Ông Đặng Văn T có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị chênh lệch cho ông Huỳnh Thanh L số tiền là 61.560.000đ (sáu mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

**2.4.** Giao ông Đặng Văn A được hưởng thừa kế phần đất thửa 19-4, diện tích 876,6m$^2$, tờ bản đồ số 20; thửa 174-2 diện tích 1.668,3m$^2$, tờ bản đồ số 21, cùng tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và được hưởng toàn bộ cây trồng gắn liền trên phần đất thửa 19-4 và thửa 174-2.

Ông Đặng Văn A có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị chênh lệch cho ông Huỳnh Thanh L số tiền là 15.289.000 (mười lăm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn đồng).

**2.5.** Giao bà Đặng Thị U được hưởng thừa kế phần đất thửa 19-5, diện tích 871,4m$^2$, tờ bản đồ số 20; thửa 174-3, diện tích 1.632,7m$^2$, tờ bản đồ số 21, cùng tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long và được hưởng toàn bộ cây trồng gắn liền trên phần đất thửa 19-5 và thửa 174-3.

Bà Đặng Thị U có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị chênh lệch cho ông Huỳnh Thanh L số tiền là 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

**2.6.** Giao chị Đặng Ngọc D, anh Đặng Công I và anh Đặng Hửu K được hưởng thừa kế phần đất thửa 19-6, diện tích 865,1m$^2$, tờ bản đồ số 20; thửa 172, diện tích 2.375,7m$^2$, tờ bản đồ số 21, cùng tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện U, tỉnh Vĩnh Long và được hưởng toàn bộ cây trồng gắn liền trên phần đất thửa 19-6 và thửa 172.

Chị Đặng Ngọc D, anh Đặng Công I và anh Đặng Hửu K có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị chênh lệch cho ông Huỳnh Thanh L số tiền là 888.000đ (tám trăm tám mươi tám ngàn đồng).

**2.7.** Các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

(Diện tích, tứ cận có kèm theo các trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 04/3/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn).

**2.8.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành chưa thi hành số tiền trên cho ông L thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. 9.** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng), bà Đặng Thị H nộp toàn bộ 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) nhưng bà H đã nộp tạm ứng 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) nên khấu trừ.

**2.10.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thống nhất tài sản tranh chấp theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tổng cộng là 1.549.662.100đ (một tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn một trăm đồng) và đồng ý chia đều án phí, mỗi người phải nộp là 4.874.155đ (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm năm mươi lăm đồng), nhưng bà Đặng Thị H, ông Huỳnh Thạm L và ông Đặng Văn A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà H, ông L, ông A theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội.

Ông Đặng Văn T nộp 4.874.155đ (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm năm mươi lăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.253.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi ba ngàn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu số 0015722 ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

t, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 1.621.155đ (một triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn một trăm năm mươi lăm đồng) buộc ông T phải nộp tiếp.

Bà Đặng Thị U nộp 4.874.155đ (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm năm mươi lăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.253.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi ba ngàn đồng) bà U đã nộp theo biên lai thu số 0015727 ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 1.621.155đ (một triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn một trăm năm mươi lăm đồng) buộc bà U phải nộp tiếp.

Chị Đặng Ngọc D, anh Đặng Công I và anh Đặng Hửu K nộp 4.874.155đ (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm năm mươi lăm đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.253.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi ba ngàn đồng) chị D, anh I và anh K đã nộp theo biên lai thu số 0015726 ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 1.621.155đ (một triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn một trăm năm mươi lăm đồng) buộc chị D, anh I và anh K phải nộp tiếp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Hoàng Phong**